

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN PHỤ SẢN QUANG AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN PHỤ SẢN QUANG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG AN HOSPITAL MATERNITY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUANG AN HOSPITAL.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107164579

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 33, ngõ 30, phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 6268 0268

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510     |
| 2.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                        | 4772     |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610     |
| 4.  | Thu gom rác thải độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3812     |
| 5.  | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại<br>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3822     |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4100     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4210     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4220     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4322        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4329        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 16. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>+ Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;<br>+ Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;<br>+ Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...;<br>+ Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa. | 4511        |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ dùng phẩm và dụng cụ y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4649        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4659        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |
| 20. | Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá<br>Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8610(Chính) |
| 21. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6810        |
| 22. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6820        |

**6. Vốn điều lệ:** 150.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG LỆ THỦY     | Nhà số 8, ngõ 12, tập thể Trường Ngân Hàng, phố Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 7.500.000  | 75.000.000.000        | 50        | 011109051                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                        | Tổng số           | 7.500.000  | 75.000.000.000        | 50        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VIỆT QUANG | Nhà số 8, ngõ 12, tập thể Trường Ngân hàng, phố Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 20        | 012655123                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                        | Tổng số           | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 20        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THU TRANG    | Số 5, ngõ 144, đường Ngô Gia Tự, tổ 10, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 20        | B2439424                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                                                        | Tổng số           | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 20        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUY THỊ ĐIỆP     | Số 5, ngách 41, ngõ 649, đường Lĩnh Nam, tổ 22, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 10        | 013215293                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                                        | Tổng số           | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 10        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HOÀNG LÊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: 31/01/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011109051

Ngày cấp: 24/02/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Nhà số 8, ngõ 12, tập thể Trường Ngân Hàng, phố Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 20, nhà D3, khu đô thị Nam Thăng Long, đường Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội